

Ninh Tôn: Nhà nho Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII

Lê Văn Tấn *

Tóm tắt: Bài viết phân tích tư tưởng nhà nho Ninh Tôn, một danh nhân Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII. Theo tác giả, với bản tính phóng khoáng, tự do, sôi nổi, tự tin, ưa hành động, Ninh Tôn đã lựa chọn và kiên trì con đường hành đạo khá linh hoạt của kẻ sĩ trong thời loạn. Với gần 300 bài thơ có nội dung phong phú còn lưu lại trong *Chuyết Sơn thi tập*, Ninh Tôn xứng đáng với tư cách một nhà thơ lớn, danh nhân Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỷ XVIII.

Từ khóa: Ninh Tôn; nhà nho hành đạo; kẻ sĩ hành đạo; văn học trung đại.

1. Đặt vấn đề

Ninh Tôn (1743 - 1795), quê ở Côi Trì - Huyện Yên Mô (nay là xã Yên Mỹ - huyện Yên Mô - tỉnh Ninh Bình). Ninh Tôn từng tham gia khoa cử, đỗ Hội nguyên tiến sĩ năm 35 tuổi và làm quan dưới triều Lê - Trịnh, Tây Sơn. Với bản tính phóng khoáng, tự do, sôi nổi, tự tin, ưa hành động, Ninh Tôn đã lựa chọn và kiên trì con đường hành đạo khá linh hoạt của kẻ sĩ trong thời loạn. Ông có gần 300 bài thơ có nội dung phong phú còn lưu lại trong *Chuyết Sơn thi tập*.

2. Con đường hành đạo của kẻ sĩ trong thời loạn

Ninh Tôn sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống Nho học, khoa cử và văn chương. Cụ thân sinh ra ông là Ninh Sản hiệu là Dã Hiên, một ẩn sĩ, là tác giả của hai tập sách: “Vũ Vu thiền thuyết” (*Lời bàn nông cạn về thú ở ẩn*) và “Phong vịnh tập” (*Tập thơ văn Vịnh gió*). Bác của Ninh Tôn là Ninh Địch, đỗ Hoàng giáp khoa Mậu Tuất (1718) đời Lê Dụ Tông.

Ninh Tôn từ nhỏ đã thông minh. Với khát vọng hành đạo của nhà nho, ông sớm miệt mài với sách vở, ôm ấp một chí khí lớn. Năm 19 tuổi (1762), ông đỗ Hương Cống,

sau đó, lại tiếp tục theo học với Tiên sĩ Vũ Huy Đĩnh. Ở đây ông kết thân với hai bạn học là Phạm Nguyễn Du và Vũ Huy Tấn.

Ông đã từng có một thời gian khá dài làm quan dưới triều Lê Trịnh (1770 - 1787). Năm Canh Dần (1770), lúc 27 tuổi, Ninh Tôn đến chơi rồi đề thơ ở núi Vân Lỗi (thuộc Thanh Hóa). Một hôm, chúa Trịnh Sâm đi xem xét phong tục, ngự chơi núi ấy, thấy bài thơ trên, liền mến tài thơ mà triệu ông vào giữ chức Thiêm Tri Bình Thiên. Năm Ất Mùi (1775), ông vâng lệnh vào triều nhận chức Hiệu Thảo Thư Sơn Nam hiến sứ. Năm này, ông cùng với Ngô Thi Sĩ, Phạm Nguyễn Du, Nguyễn Sá lo việc biên soạn Quốc sử. Năm 1776, ông có tờ tấu về các tệ nạn ở vùng ven biển, ven sông, rồi nạn quan lại lấy cớ vì việc công để thu lúa, thu thủy sản, làm cho dân khổ, nhờ vậy, mà có lệnh cấm nghiêm. Năm Đinh Dậu (1777), ông làm Nhập Thiêm Sai Công Thiên. Năm Mậu Tuất (1778), ông đỗ Hội Nguyên tiến sĩ năm 35 tuổi, được cử làm Phụng Tá Quân Hải Lộ. Năm 1779, ông

(*) Tiên sĩ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
ĐT:..... Email:

được thăng tứ phẩm. Năm Canh Sửu (1781), lúc ông 38 tuổi, được giữ chức Thiêm Sai Tri Binh Phiên, làm ở Viện cơ mật kiêm Quốc sử quốc luật toàn tu, Đông các đại học sĩ, Thư Hình bộ hữu thị lang. Năm 1786, ông làm Hiệp Trấn ở Động Hải (thuộc huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình). Năm 1787, Nguyễn Hữu Chỉnh tâu với vua Lê cho Ninh Tôn làm Tham tán quân vụ, đem quân hợp với quân của Lê Duật, chống quân Tây Sơn ở Thanh Hóa. Lê Duật bị quân Ngô Văn Sở giết chết ở Cao Lũng, Ninh Tôn nhờ trốn vào nhà dân nên được bảo toàn về tính mạng.

Triều đại Tây Sơn được thiết lập, ông nhanh chóng tham gia quan trường nhưng tiếc là thời gian khá ngắn ngủi (1788 - 1790). Đó là vào năm 1788, khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ ra Bắc Hà diệt Vũ Văn Nhậm, rồi cho sắp đặt lại quan chức, Ninh Tôn được phong chức Hàn Lâm Trực Học Sĩ. Theo sử liệu thì Ninh Tôn làm quan nhà Lê trải đến chức Hữu Thị Lang, tước Trường Nguyên Bá. Khi nhà Lê mất, ông tiếp tục phục vụ nhà Tây Sơn, giữ chức Thượng Thư Bộ Binh, tước Hầu. Năm Canh Tuất (1790), ông có đề tựa tập thơ “Hoa trình học bộ tập” của thầy học là Vũ Huy Đĩnh và đề tựa cuốn sách y học “Thai sản điều lý phương pháp tự” của bạn là Hoàng Phong Ôn Phủ (tức Nguyễn Thế Lịch), mà người đời sau biết được vào năm đó (47 tuổi) ông đã xin về nghỉ ở quê.

Có thể nói, con đường hành đạo của Ninh Tôn là con đường của kẻ sĩ trong thời loạn. Với cái nhìn và suy nghĩ khá cấp tiến về quan hệ vua - tôi, ông luôn hăm hở phục vụ các triều đại với tinh thần tự nhiệm cao cả. Ông được liệt vào hàng danh nhân văn hóa, nhà thơ, nhà viết sử, nhà biên soạn luật, nhà chính trị và nhà quân sự khá xuất

sắc... Thơ văn của ông còn để lại đã thể hiện sinh động tinh thần yêu nước, thương dân, ca ngợi cảnh đẹp của quê hương, đất nước với tư tưởng và hành động luôn hướng về nhân dân lao động.

3. Tinh thần tự nhiệm của nhà nho qua thơ văn

Con người Ninh Tôn đâu đó có cái khí chất của kẻ tài tử nhưng về cơ bản ông vẫn là một chân nho, môn đệ của cửa Khổng sân Trình. Con người ấy mang trong mình hoài bão suốt một đời là “*Nam tử yếu tu tố hảo nam*” (Làm trai phải là chàng trai tốt - *Tự thuật*, bài 2) và “*Nam tử chỉ yếu kỳ sự nghiệp*”⁽¹⁾ (Làm trai cốt có sự nghiệp kỳ lạ). Với ông, làm trai phải có tài năng và khát vọng cống hiến cho triều chính, xã tắc và cao hơn hết là nhân dân. Đó là lí do khiến ông dùi mài kinh sử và khi có điều kiện là ứng thí để có thể hiện thực hóa khát vọng cống hiến của mình. Trong một thời đại mà mọi giá trị đều có thể bị đảo lộn, với Ninh Tôn không phải không có những lúc ông cảm thấy nao núng, day dứt về cái lẽ hành tàng xuất xử của nhà nho. Đã có những lúc ông nghĩ đến con đường thoái lui về sơn khê. Nhưng con đường tìm đến cuộc sống ẩn không được Ninh Tôn đẩy quá xa bằng mẫu hình của ẩn sĩ. Với ông, ẩn chỉ là tạm thời khi điều kiện cống hiến chưa cho phép. Ẩn là cách để ông “giữ lửa”, giữ cái đạo thanh cao để chờ thời cơ dẫn thân hành động. Đó cũng là lí do để giải thích cho việc khi quân Tây Sơn chiếm xong Phú Xuân, nhân đà thắng kéo quân ra lấy đồn Động Hải thì Ninh Tôn đã không chống trả, cũng không ngay tức khắc đầu hàng mà thừa cơ trốn vào nhân dân, tạm lui với danh

⁽¹⁾ Hoàng Lê (chủ biên) (1984), *Thơ văn Ninh Tôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.49.

hiệu Chuyết Sơn cư sĩ, lấy thơ, lấy rượu làm vui, lấy vườn hạc làm bầu bạn. Đây là thời gian để ông ngẫm ngợi về đạo quân thân, về trung hiếu của kẻ bề tôi. Chắc hẳn trong con người ông, đây là lúc nhiều dữ dội, bão tố về một sự lựa chọn. Nếu như với nhà nho ẩn dật cực đoan, đây sẽ là “cú hích” quyết định để đẩy họ về ẩn dật. Và nếu như thế, cái lí tưởng hành đạo hay tinh thần tự nhiệm của nhà nho sẽ mãi mãi chỉ là mơ ước, sẽ mãi mãi không còn có cơ hội hiện thực. Ninh Tôn (cùng với các nho sĩ khác như Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Vũ Huy Tấn, Đoàn Nguyễn Tuấn...) đã dần dần từ ý chí đến hành động và cuối cùng là chấp nhận Tây Sơn bằng tình cảm tự nguyện, bởi họ có thể chưa hẳn đã nhìn ra được cái vắn xoay mang tính quy luật của lịch sử nhưng họ nhìn ra được những lợi ích mà vương triều mới này mang lại cho nhân dân đương thời.

Ninh Tôn chấp nhận Tây Sơn theo cái logic riêng của mình để tạo nên sự gắn bó bền chặt: không chối bỏ nhưng không ngay lập tức vồ vập. Khi ý chí và nhận thức đã đúng hẳn sẽ giúp cho nho sĩ có những tình cảm đúng. Theo logic đó khi đắc dụng với vương triều mới thì Ninh Tôn lạc quan bởi ông lại có cơ hội hiện thực hóa mơ ước của mình. Nhân buổi chiều đậu thuyền trên bến Chương Dương, ngắm cảnh cũ người xưa, Ninh Tôn cảm khái mà nghĩ về triều mới Tây Sơn. Đọc từ lời tựa đến cả bài “Chương Dương mộ bạc” chúng ta sẽ thấy dụng ý của nhà thơ là ngầm so sánh chiến công của Hưng đạo vương xưa với Nguyễn Huệ nay: *“Long bút chu bạc Chương Dương, thích tụng Đoạt sáo chi thi, nhân tư Trần Trùng hưng gian, Nguyên binh nhập khẩu, tài đắc nhất Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn, vi quốc tận lực, vị trung phần chi xướng, toại năng tải thanh Hồ trần, khắc phục cương*

thổ, thâm niên kim cổ hưng suy, toàn tại dụng nhân nhất sự, cảm hưng nhị thập vận” (Buổi chiều khi thuyền Long bút cập bến đò Chương Dương, đang đọc bài thơ “Cướp giáo”, nhân nghĩ đến đời Trùng Hưng nhà Trần, quân Nguyên vào cướp phá, may được Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn hết sức vì nước, khởi xướng lên lòng trung phần, mới quét sạch được giặc Hồ, lấy lại bờ cõi, nghĩ càng thấm thía rằng sự thịnh suy xưa nay hết thảy đều do ở việc dùng người, liền cảm khái thành bài thơ hai mươi vần).

Ninh Tôn có một cái nhìn đúng đắn trong quan hệ với người dân, và gắn bó sâu sắc với họ. Cái nhìn đúng đắn về người dân trước hết là ở ý thức, tinh thần tự nhiệm của nhà nho vốn luôn coi trọng người dân, coi dân là gốc. Còn sự gắn bó sâu sắc được xác lập trước tiên ở quãng thời gian ông được “nuơng nấu” cùng với nhân dân. Ông đã tiếp thu Nho giáo nhưng khá linh hoạt, vượt khỏi những giáo điều, lệ cổ của sách vở thánh hiền để hướng sự quan tâm tới chính sự với mục đích tối thượng là vua sáng phải mang lại cho đất nước sự bình an và nhân dân đời sống no ấm. Trong thời gian “chạy loạn” cũng như thời gian làm quan, ông đã có điều kiện đi nhiều nơi và tham gia vào các sinh hoạt của người dân để có thêm những hiểu biết về họ. Cuộc sống mưu sinh của người dân vốn quanh năm đều trông chờ vào mây sào ruộng cấy. Chứng kiến cảnh hạn hán lâu ngày có nguy cơ mất mùa, Ninh Tôn viết thơ khi đang trên thuyền nghe tiếng sấm báo hiệu mưa tới để động viên, chia sẻ với họ. Khi người dân được mùa thì ông viết thơ chung vui với họ. Niềm vui của họ trở thành niềm vui của chính nhà thơ. Từ đó ông cũng nghĩ đến sự lo lắng của vua với người dân cũng bớt đi được phần nào. Với tinh thần tự nhiệm của

nhà nho, Ninh Tôn đã thể hiện một cách cảm động tấm lòng lo cho nước, cho dân của mình. Ông còn chia sẻ tinh thần ấy với bạn hữu để mong bạn hữu chớ nản lòng trước thế cuộc hiện tại; động viên khích lệ họ đem tài học mà phục vụ nước, phục vụ dân.

Nhà thơ họ Ninh đã hòa mình khá sâu vào đời sống người dân lúc bấy giờ, xuất phát từ tâm tư tình cảm của họ mà nói giúp những niềm vui, nỗi buồn cũng như mơ ước của họ về một cuộc sống an bình, no ấm. Đó chính là vẻ đẹp xuất phát từ căn gốc văn hóa nhân cách nho sĩ hành đạo Ninh Tôn trong buổi tao loạn của đất nước - vẻ đẹp ấy sẽ trường tồn với thời gian.

4. Cái nhìn cấp tiến về người phụ nữ

“*Chuyết Sơn thi tập*” của Ninh Tôn dành đến hơn 30 bài thơ viết về đề tài người phụ nữ, điều này cho thấy thế giới quan phóng khoáng, cấp tiến của ông so với các nhà nho đương thời.

Trong bài “*Nghĩ Ngu mỹ nhân biệt Hạng Vương*”, Ninh Tôn lại có những phát hiện mới mẻ về vẻ đẹp tâm hồn của người nữ lưu, khơi dậy trong lòng bạn đọc về một tình cảm bi hùng ở nhân vật: “*Người anh hùng đã không tiếc thân khi non sông tan nát, Thì người phụ nữ ngại gì khi sơn phấn phải tiêu tan, Thân thiếp sẽ trở về với tạo hóa ngay trước trướng, Hồn thiếp sẽ theo đầu ngựa chàng đi khắp đó đây, Trong cõi ân mờ mịt vẫn có đất đèn đáp nhau, Nguyện vì quân vương mà giết Bái Công*”⁽²⁾.

Cái nhìn cấp tiến của Ninh Tôn về người phụ nữ còn tiến xa thêm một bước khi ông muốn khẳng định và dành cho họ một địa vị trong xã hội để xã hội thừa nhận người phụ nữ: “*...Hoan Ái phong quang ung hữu phận, Cổ kim trường vịnh khởi vô nhân, Hi triều trùng chế Thiên Nam tập, Huệ thủ Tao Đàn tác Đổ, Thân*”. (Dịch nghĩa: Phong quang

của châu Hoan, châu Ái đều có phận, Thơ rượ xưa nay đâu phải không có nguyên nhân, Nếu triều thịnh trị dựng lại tập Thiên Nam, Thì ta dặt tay nằng vào hội Tao Đàn làm Đổ và Thân)⁽³⁾.

Ở thơ Ninh Tôn không có những bài thơ viết về hình tượng người phụ nữ lao động, người phụ nữ xuất thân bần hàn... Hạn chế ấy hẳn không chỉ ở nhãn quan của cá nhân mà còn là sự quy định của thời đại mà bản thân ông cũng chưa vượt qua được.

5. Ký thác tâm sự yêu nước thiết tha qua thiên nhiên

Từ ý thức cao cả về nhân cách cá nhân, nho sĩ cho rằng, tự nhiên mà cụ thể là thiên nhiên mới là môi trường xứng đáng để họ kí thác tâm sự của mình. Vì vậy, trong thơ ca của họ thường có hình tượng một con người luôn hướng về thiên nhiên, đặt mình giữa thiên nhiên để suy tư, chiêm nghiệm về thế đạo nhân tâm.

Phong cảnh của các miền quê nơi Ninh Tôn có dịp đi qua hay đặt chân tới ông đều có thơ đề vịnh, ca ngợi. Ta có thể thấy được những bức tranh về các kỳ quan thắng tích của đất nước, gợi cho mỗi chúng ta niềm tự hào về đất Việt trong các sáng tác của ông: “*Tổ tông hà đởi hựu giang khâm, Thiên tịch hựu hồng bạc Vị âm, Phong đệ thủy thanh lương châm bạn, Giang hàm trừng ảnh chiếu ba tâm*...”. (Dịch nghĩa: Ngược theo vòng đai sông lại đến vạt sông, Trời chiều nghĩ thuyền đậu ở phía bắc sông Vị, Gió đưa tiếng nước làm mát bên gối, Dòng sông ngậm bóng trăng, soi dọi đáy sóng...)⁽⁴⁾.

Không gian thiên nhiên trong thơ Ninh Tôn không hướng nhiều tới vũ trụ để thể

(2) *Sđđ*, tr.32.

(3) *Sđđ*, tr.173.

(4) *Sđđ*, tr.151.

hiện cái vô cùng vô tận của không gian và thời gian mà gần với thế giới trần tục của đời sống người dân, của không gian thôn xóm, làng quê: “... *Động lý thần tiên nhàn ảo diệu, Tự trung hoàng đế hóa từ bi, Y nhiên vạn cổ huan cao tại, Thụy vụ tường vân tỏa thúy vi*”. (Dịch nghĩa: ...Trong động thần tiên thanh thoi biến hóa, Trong chùa hoàng đế hóa thành bậc từ bi, Muôn thuở vẫn thế, khói hương ngào ngạt, Mây lành mù đẹp khóa ngọn núi xanh)⁽⁵⁾.

Đặc biệt, Ninh Tôn dành một tình cảm ưu ái đặc biệt đối những thắng cảnh núi non trên mảnh đất Ninh Bình quê hương ông như núi Cánh Diều thuộc vào địa phận xã Đại Đăng và Bích Đào huyện Yên Khánh; núi Địch Lộng thuộc huyện Gia Viễn: “...*Cổ xí mỗi u phong đăng xứ, Xung tiêu đa tại vụ lung thì, Đăng nhàn ngạn cốc thương tang sự, Trường hướng kim ô diệu vũ nghi*”. (Dịch nghĩa: ...Mỗi lần vỗ cánh diều ở vào nơi gió lồng, Vút lên trời xanh phần nhiều vào lúc sương lồng, Thờ ơ với mọi việc biến đổi hang gò, dâu bể, Mãi mãi hướng về vàng ô giương lông cánh)⁽⁶⁾.

Còn đây là phong cảnh núi Dục Thúy: “*Luồng kết quỳnh sơn kháo thủy can, Sơn đê áp thủy thủy phù san, Phong lai thủy dục tương sơn tảo, Trào thương sơn như hướng thủy lan...*”. (Dịch nghĩa: Quả núi báu như hai búi tóc tựa vào bên sông, Núi đê nước thấp xuống, nước nâng nổi núi lên, Gió thổi tới, nước muốn tắm rửa cho núi, Thủy triều lên, núi như tan vào sóng nước...)⁽⁷⁾.

Nhìn chung, những bài thơ thể hiện chủ đề thiên nhiên được Ninh Tôn thể hiện khá xuất sắc. Với cái nhìn dung dị, có phần phóng khoáng, bay bổng, cảnh sắc thiên nhiên đã đi vào thơ ông với những vẻ đẹp tự nhiên mộc mạc như nó vốn có, thi nhân gửi gắm tình cảm gắn bó sâu sắc với quê

hương xứ sở. Đó chính là một trong những phương diện tạo nên giá trị trường tồn của thơ văn ông trong lịch sử văn học nước nhà.

6. Kết luận

Thơ văn Ninh Tôn thể hiện tinh thần của một kẻ sĩ hành đạo trước xã hội đương thời rối ren. Bên cạnh đó, những sáng tác của ông cũng thể hiện sinh động những cung bậc tình cảm chân thành mộc mạc mà đáng quý đối với người dân, người phụ nữ và thiên nhiên đất nước. Những người cùng thời với Ninh Tôn như Phạm Nguyễn Du, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Quynh... đều có những đánh giá cao về thơ văn ông trên cả hai phương diện nội dung và nghệ thuật, đó là một lời khẳng định về một vị trí xứng đáng dành cho ông trong lịch sử.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Kim Hưng (2004), “Ninh Tôn”, *Từ điển văn học*, bộ mới, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Hoàng Lê (chủ biên) (1984), *Thơ văn Ninh Tôn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Nguyễn Lộc (2005), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.1, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. Ngô Sĩ Liên (2004), *Đại Việt sử ký toàn thư*, t.2, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
6. Lê Văn Tấn (2013), *Tác giả nhà nho ẩn dật và văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình học tác giả văn học - nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

⁽⁵⁾ *Sđd*, tr.81.

⁽⁶⁾ *Sđd*, tr.91.

⁽⁷⁾ *Sđd*, tr.95.

